

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Xây dựng

Thực hiện theo Công văn số 331/SNV-CCHC&TCPCP ngày 10/3/2022 về việc hướng dẫn thời gian và ban hành các kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ của Sở Nội vụ, Sở Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Năm 2022, Sở Xây dựng căn cứ chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tình hình thực tiễn đẩy mạnh chỉ đạo, đôn đốc các phòng thuộc Sở thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thông qua việc ban hành các văn bản sau: Kế hoạch số 2857/KH-SXD ngày 31/12/2021 thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022; Đồng thời, ban hành một số Quyết định, Kế hoạch thành phần nhằm góp phần hoàn thành Kế hoạch 2857/KH-SXD đã đề ra¹.

2. Về tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022

- Sau khi ban hành các kế hoạch cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã chỉ đạo các phòng rà soát các thủ tục hành chính đã ban hành; rà soát, phát hiện các thủ tục hành chính, các văn bản quy định không còn phù hợp, từng bước cải tiến, sửa đổi, bổ sung các quy định tác nghiệp của các phòng thuộc Sở.

- Đến nay Sở đã hoàn thành được 23/23 nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra đầu năm 2022, tuy nhiên có 01 Kế hoạch đề ra không thực hiện do chưa có văn bản hướng dẫn xem như đạt 100% kế hoạch.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

- Sở ban hành Kế hoạch số 268/KH-SXD ngày 22/02/2022 về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 1300/KH-SXD ngày 24/6/2022 về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 268/KH-SXD

¹ Kế hoạch số 608A/KH-SXD ngày 30/3/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022; Kế hoạch số 438/KH-SXD ngày 11/3/2022 về thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC năm 2022; Kế hoạch số 609/KH-SXD ngày 30/3/2022 về Phát động phong trào thi đua cải cách hành chính hằng năm và giai đoạn 2021-2025 của Sở Xây dựng; Quyết định số 37/QĐ-SXD ngày 28/3/2022 về thành lập Hội đồng đánh giá chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 của Cơ quan Sở Xây dựng; Kế hoạch số 529/KH-SXD ngày 24/3/2022 về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021-2025 tại đơn vị Sở Xây dựng; Quyết định số 59/QĐ-SXD ngày 13/5/2022 về thành lập Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 295/KH-SXD ngày 24/02/2022 về cải thiện và nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Cải cách hành chính (PAR INDEX); Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) và Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nước (SIPAS) của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 135/QĐ-SXD ngày 20/9/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang.

ngày 22/02/2022 của Sở Xây dựng về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; Thông báo số 1575/TB-TKT ngày 19/7/2022 về lịch kiểm tra công tác CCHC năm 2022.

- Kết quả: Sở đã tiến hành kiểm tra theo kế hoạch và thực hiện Thông báo kết luận kiểm tra số 1715/TB-TKT ngày 02/8/2022. kiểm tra trực tiếp 03 phòng, 03 phòng còn lại gửi báo cáo; Qua kiểm tra, nhìn chung các tập thể thực hiện triển khai tốt công tác CCHC thuộc thẩm quyền quản lý của phòng.

- Qua thông báo kết luận của Tổ kiểm tra các phòng đã thực hiện báo cáo khắc phục sau khi có kết luận².

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

- Việc tuyên truyền triển khai công tác CCHC, Sở đã ban hành Kế hoạch số 438/KH-SXD ngày 11/3/2022 về việc thực hiện thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2022; triển khai, quán triệt tại các cuộc họp giao ban hàng tháng của cơ quan và hội nghị triển khai quán học tập các văn bản quy phạm pháp luật của ngành, đồng thời chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc sở triển khai thực hiện lồng ghép với các công việc chuyên môn đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

- Hoạt động Cổng thông tin điện tử của Sở ngày càng có nhiều thông tin phong phú, giúp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và phục vụ người dân, phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, thông tin hoạt động của ngành, trong đó các quyết định, quy định, quy trình và TTHC trên các lĩnh vực hoạt động của Sở, được duy trì hoạt động thường xuyên và luôn cập nhật thông tin mới. Đặc biệt là công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng và công bố sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy được đăng ngay trên cổng thông tin điện tử của Sở khi lãnh đạo Sở ký ban hành.

- Trong năm Sở đã đăng tải trên 20 tin, bài, văn bản về CCHC liên quan đến lĩnh vực ngành Xây dựng.

5. Nhiệm vụ UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao

Trong năm 2022 sở được tiếp nhận được 335 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao. Hiện tại Sở đã hoàn thành được 309 nhiệm vụ (trong đó 299 hoàn thành trước hạn và hoàn thành đúng hạn; 10 hoàn thành trễ hạn) và tiếp tục đang trong giai đoạn thực hiện hoàn thành 26 nhiệm vụ còn lại.

6. Những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC tại đơn vị

Sở Xây dựng thường xuyên tuyên truyền, chỉ đạo công chức, viên chức xây dựng những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị. Trong năm 2022 Hội đồng xét Thi đua - Khen thưởng Sở chưa tổ chức bình xét các sáng kiến, giải pháp nên chưa có mô hình, sáng kiến, giải pháp mới được triển khai (dự định xét vào Quý IV theo Kế hoạch của Sở).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản QPPL năm 2022:

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong năm 2022

² Báo cáo số 01/BC-VP ngày 05/8/2022; Báo cáo số 01/BC-QHKT ngày 05/8/2022; Báo cáo số 18/BC-TTr ngày 11/8/2022

Sở tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 05 văn bản³.

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về quy mô, chiều cao, thời gian tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp phép xây dựng có thời hạn và phân cấp thẩm quyền cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. (Đã trình UBND tỉnh).

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đã trình UBND tỉnh).

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đã trình UBND tỉnh).

+ Chuyển Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm định quyền quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh về việc quy định giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2030.

Tiếp tục triển khai, hướng dẫn áp dụng, thi hành văn bản: Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Bộ đơn giá Dịch vụ công ích đô thị tỉnh Kiên Giang.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Công tác theo dõi thi hành pháp luật được Sở chỉ đạo thực hiện thông qua việc triển khai các hoạt động theo dõi, thanh tra, kiểm tra đối với các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh. Đã thành lập, triển khai thực hiện và kết thúc 01 cuộc thanh tra hành chính⁴, 01 cuộc thanh tra chuyên ngành⁵, 01 cuộc kiểm tra chuyên ngành⁶; kiểm tra một số nội dung theo yêu cầu của Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng (Kiểm tra dự án của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc) (đã tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định, tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 906/QĐ-XPNC ngày 04/4/2022 với số tiền 560.000.000 đồng, đã nộp ngân sách nhà nước).

- Trong kỳ ban hành 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 40.000.000 đồng, đã nộp ngân sách nhà nước (ban hành vào cuối tháng 12/2021). Tiếp tục thực hiện 01 Quyết định cưỡng chế số 1391/QĐ-CCXP ngày 11/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang đối với Công ty TNHH Đồi Lang – Phú Quốc⁷.

³ Tờ trình số 1133/TTr-SXD ngày 07/6/2022; Tờ trình số 2853/TTr-SXD ngày 25/11/2022; Công văn số 2755/SXD-QLXD ngày 15/11/2022; Tờ trình số 344/TTr-SXD ngày 03/3/2022.

⁴ Đoàn thanh tra trách nhiệm của lãnh đạo Trung tâm kiểm định và Dịch vụ xây dựng – Sở Xây dựng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao gắn với việc thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng.

⁵ Thanh tra về công tác quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện An Biên, Kiên Hải.

⁶ Quyết định số 128/QĐ-SXD ngày 06/9/2022 thành lập đoàn kiểm tra hoạt động xây dựng trên địa bàn phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc.

⁷ Đang Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch cưỡng chế.

Kiểm tra giá vật liệu xây dựng để tham mưu ban hành giá, chỉ số giá xây dựng. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng với trên 50 công trình.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật (số 320/KH-SXD ngày 24/02/2022). Sở thực hiện việc tuyên truyền các văn bản QPPL và duy trì thường xuyên Ngày pháp luật. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng năm 2022 với số lượng 90 học viên; Đối tượng tập huấn là đại diện các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; lãnh đạo phòng kinh tế hạ tầng các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã; đại diện các Ban Quản lý dự án chuyên ngành cấp tỉnh, Ban Quản lý dự án khu vực cấp huyện và một số đơn vị khác có liên quan.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Sở Xây dựng đã xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (số 203/KH-SXD ngày 28/01/2022).

Công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được Sở thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

- Trên cơ sở Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Sở ban hành Kế hoạch số 226/KH-SXD ngày 14/02/2022 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2022; đã triển khai phổ biến và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, của các bộ, ngành cũng như HĐND, UBND tỉnh. Trong đó tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định, văn bản liên quan đến lĩnh vực ngành Xây dựng. Sở Xây dựng thực hiện, quán triệt tốt Nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, của các bộ ngành, các văn bản QPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Sở Xây dựng đã thực hiện Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 (Báo cáo số 2805/BC-SXD ngày 22/11/2022).

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

- Tiếp tục phát huy việc phòng ngừa đấu tranh xử lý tiêu cực tham nhũng trong nội bộ ngành, thực hành Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chủ động có biện pháp phòng ngừa đấu tranh để xử lý kịp thời các biểu hiện vi phạm, tránh để xảy ra hiện tượng tiêu cực. Xây dựng cụ thể hóa các kế hoạch về phòng chống tham nhũng⁸ và theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁹.

- Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền Sở Xây dựng tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng và một số văn bản khác có liên quan đến công

⁸ Kế hoạch số 225/KH-SXD ngày 14/02/2022 thực hiện công tác PCTN năm 2022.

⁹ Kế hoạch số 2855/KH-SXD ngày 31/12/2021 về việc kiểm tra xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 226/KH-SXD ngày 14/02/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực ngành xây dựng năm 2022; Kế hoạch số 343/KH-SXD ngày 03/03/2022 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực ngành xây dựng năm 2022.

tác xử lý vi phạm hành chính cho các cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý trật tự xây dựng tại các địa phương thuộc quyền quản lý (với hơn 200 người tham dự, chia làm 03 đợt triển khai).

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 2855/KH-SXD ngày 31/12/2021 của Sở Xây dựng về việc kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản QPPL năm 2022; trên cơ sở đó, Sở đã triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trong lĩnh vực xây dựng năm 2022, Kết quả như sau:

- Tổng số văn bản được rà soát là 01 văn bản (Công văn số 1284/VP-KT ngày 24/02/2022 về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2021). Trong đó: văn bản hết hiệu lực toàn bộ: 01 văn bản; văn bản hết hiệu lực một phần: 01 văn bản.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Công tác tổng hợp, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Hiện nay Sở đã hoàn thiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết Sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện¹⁰.

- Sở tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cấp phép xây dựng đúng theo quy định tại Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên về việc rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, Sở không hoàn thành kế hoạch do hồ sơ phải lấy ý kiến xem xét của các sở, ban, ngành có liên quan, tổ chức họp hội đồng thẩm định đồng thời cán bộ thẩm định phải xem xét nhiều vấn đề liên quan đến kỹ thuật công trình và sau khi lấy ý kiến có một số hồ sơ yêu cầu doanh nghiệp/chủ đầu tư cần chỉnh lý cho phù hợp theo yêu cầu nên việc rút ngắn thời gian sẽ không đảm bảo được thời gian thực hiện.

- Số TTHC hiện tại Sở đã tiến hành rà soát là 55 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (trong đó có 45 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở và 10 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh) và 12 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Về thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết TTHC

- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được cập nhật niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh Kiên Giang; công bố công khai hướng dẫn quy định TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh, Sở tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

¹⁰ Tờ trình số 1368/TTr-SXD ngày 13/7/2021 và Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; Tờ trình số 2371/TTr-SXD ngày 28/10/2021 và Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 02/11/2021; Tờ trình số 2446/TTr-SXD ngày 03/11/2021 và Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 05/11/2021; Tờ trình số 21/TTr-SXD ngày 06/01/2022 và Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; Tờ trình số 20/TTr-SXD ngày 06/01/2022 và Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; Tờ trình số 201/TTr-SXD ngày 09/02/2022 và Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 25/02/2022



- Bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 và đã được bố trí 01 máy tính, 01 máy scan và 02 bàn làm việc và sử dụng phần mềm tiếp nhận tại trang dichvucong.kiengiang.gov.vn.

- Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch và công tác phối hợp giữa các bộ phận và cơ quan với nhau, như: TTHC đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật; công khai các TTHC, mức thu phí, lệ phí, giấy tờ, hồ sơ và thời gian giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân; nhận yêu cầu và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công quây Sở Xây dựng.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết trong năm 2022:

+ Tiếp nhận 1177 hồ sơ (trong đó: nhận trực tiếp: 844 hồ sơ; nhận trực tuyến: 311 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua: 22 hồ sơ).

+ Giải quyết: 1014 hồ sơ (trong đó: 584 hồ sơ trước hạn; 174 hồ sơ đúng hạn; 256 hồ sơ trễ hạn) “có 96 hồ sơ trả qua bưu điện”.

+ Đang giải quyết: 163 hồ sơ đúng hạn.

Trong năm, Sở không có trường hợp phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân đối với công tác giải quyết hồ sơ TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở: Trong năm Sở đã trình tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang¹¹. Sở đã xây dựng và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 112/QĐ-SXD ngày 29/7/2020 (TTKĐ&DVXD); Quyết định số 128/QĐ-SXD ngày 28/8/2020 (TTQH XD).

- Thực hiện Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Số lượng đơn vị trực thuộc Sở hiện có gồm: 06 phòng chuyên môn và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (Ban Giám đốc; Văn phòng Sở, phòng Thanh tra; phòng Quy hoạch – Kiến trúc; phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản; phòng Quản lý xây dựng; phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng; Trung tâm quy hoạch xây dựng).

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị: Giao Sở 43 biên chế, hiện tại có mặt là 41/43 biên chế và 04 hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP; giao 02 đơn vị trực thuộc sở là 68 hiện tại có mặt là 50 biên chế và 12 hợp đồng lao động công việc;

- Trong năm việc tổ chức phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền Sở đã tham mưu UBND tỉnh 03 văn bản:

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

¹¹ Tờ trình số 2742/TTr-SXD ngày 14/11/2022

Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đã trình UBND tỉnh).

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đã trình UBND tỉnh).

+ Chuyển Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm định quyền quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tình hình xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định 1514/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang; Sở đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-SXD ngày 09/3/2022 về việc phân bổ biên chế hành chính năm 2022.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: Trong năm Sở đã phối hợp Sở Nội vụ tiếp nhận vào làm công chức đối với 04 công chức (03 đã thông qua, 01 đang thực hiện); Sở Xây dựng đã phê duyệt Kế hoạch tiếp nhận vào làm viên chức đối với 05 viên chức đã tổ chức kiểm tra, sát hạch xong, chờ phê duyệt.

- Công tác bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Trong kỳ, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc sở; Sở ban hành Kế hoạch số 595/KH-SXD ngày 30/3/2022 về chuyển đổi vị trí công tác năm 2022 và kết quả sắp xếp, bố trí 01 trường hợp (đã thực hiện); Quyết định cho 01 công chức thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và ban hành kế hoạch rà soát, sắp xếp và xử lý dôi dư cấp phó các phòng, đơn vị thuộc Sở, trong đó sắp xếp, bố trí 02 trường hợp (đã thực hiện); ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định, trong đó thực hiện chuyển đổi vị trí 01 trường hợp; đề bạt 01 công chức thực hiện nhiệm vụ phụ trách phòng (đã thực hiện).

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức: Trong năm Sở có 03 công chức tham gia thi nâng ngạch chuyên viên chính, kết quả dự thi có 2/3 công chức tham dự (01 công chức không tham dự thi do điều động tham gia công tác ở nước ngoài).

- Lãnh đạo Sở chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc; chấp hành kỷ luật, kỷ cương phát huy trách nhiệm của từng công chức, viên chức trong giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBCC-VC Sở Xây dựng trong năm 2022; trong năm đã cử trên đã cử 31 lượt¹² công chức, viên chức tham dự các

¹² 02 CC học Thạc sĩ QLĐT (học 2); 06 VC học Bồi dưỡng ngạch CV (học 6); 02 CC học Bồi dưỡng LĐQL cấp phòng (học 2); 02 CCVC học lớp Cao cấp chính trị (học 1); 06 CCVC học lớp Trung cấp LLCT (học 6); 02 CCVC học lớp Bồi dưỡng ngạch CVC (học 2); 02 CBCC đào tạo ngắn hạn Chương trình Fullbright (học 0); 01 CC học Bồi dưỡng LĐQL cấp sở (học 1); 01 CC cập nhật kiến thức LĐQL đối tượng 4 (học 1); 01 CB học Bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài theo KL 39 (học năm 2023); 01 CC học Bồi dưỡng LĐQL cấp phòng (chờ TB); 04 CBCC học lớp Bồi dưỡng công tác DV-DT-TG (học 4); 01 CC học Bồi dưỡng QL-AN đối tượng 3 (học 1).

lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch năm 2022, cử 11 lượt¹³ CBCC-VC tham dự các đợt tập huấn khác do các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh tổ chức; tham mưu cử trên 35 lượt công chức, viên chức tham thành viên các Hội đồng, Đoàn công tác, Tổ giúp việc theo chỉ đạo, yêu cầu của UBND tỉnh và đề nghị của các cơ quan, ban, ngành, địa phương.

- Thường xuyên quan tâm và giải quyết các chế độ, chính sách, tiền lương cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kịp thời, đúng quy định.

- Tiếp tục ứng dụng và cập nhật dữ liệu phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhằm khai thác có hiệu quả.

5. Cải cách tài chính công

- Ngay từ đầu năm 2022, Sở đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-SXD ngày 20/01/2022 về Quy chế xếp loại lao động công chức, người lao động thuộc Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 07/QĐ-SXD ngày 20/01/2022 về Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện chế độ tự chủ của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang; tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung và thực hiện đúng Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; phân bổ chi phí sử dụng chung đối với các cơ quan, đơn vị hoạt động trong Trụ sở Sở Xây dựng.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội cho công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở.

- Luôn chủ động trong việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật đối với nguồn kinh phí tự chủ.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát chi tiêu ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

- Đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng là 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn chi phí chi thường xuyên. Trong năm 2022, cả 2 đơn vị vẫn thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ (theo tinh thần Công văn số 1925/STC-TCHCSN ngày 16/9/2022 của Sở Tài chính về việc phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022) do 02 đơn vị trực thuộc Sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ giai đoạn 2020-2022 nên tiếp tục thực hiện theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP đến hết năm 2022. Sang năm 2023, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng mới thực hiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức kê khai tài sản thu nhập đối với các đối tượng cần kê khai, đồng thời tiến hành công khai theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số

- Các Văn bản, thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở (<https://sxd.kiengiang.gov.vn>) được đảm bảo kịp thời, đầy đủ đã tạo điều kiện thuận lợi trong phục vụ người dân; phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối

¹³ 03 CBCCVC tập huấn về sử dụng Hệ thống CSDL về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng; 01 CC tập huấn thực hiện công tác bồi thường nhà nước; 03 CCVC bồi dưỡng các Nghị định của Chính phủ; 02 CC tập huấn phổ biến, nâng cao kiến thức pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và hướng dẫn thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính; 01 CC tập huấn nghiệp vụ CCHC; 02 CC tập huấn các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn ngành Xây dựng tại TP.Hồ Chí Minh; 01 CC đi tập huấn ở Nhật Bản (tháng 11 đi).

của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác CCHC; việc cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng của ngành đã giúp cho các tổ chức, cá nhân và người dân nắm bắt được nhanh hơn phục vụ cho quá trình thực hiện.

- Tiếp tục nâng cao cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Việc áp dụng, duy trì và cải tiến thực hiện ISO theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đã được Giám đốc Sở Xây dựng Kiên Giang ký Quyết định ban công bố theo Quyết định số 138/QĐ-SXD ngày 22/9/2022 về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Quyết định số 139/QĐ-SXD ngày 28/9/2022 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và tiếp tục khai thác, sử dụng trang web cơ quan và trang hồ sơ công việc của UBND tỉnh đảm bảo việc thực thi trong công tác cải cách hành chính có kết quả, đạt hiệu quả trong cơ quan, đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính của Sở Xây dựng được lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.

- Công chức, viên chức của Sở nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của công tác CCHC đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Công chức, viên chức tận tụy với công việc, không có hiện tượng quan liêu, sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác.

- Việc hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian của tổ chức, cá nhân đến giải quyết về TTHC.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác chuyên môn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực xây dựng rất khó để thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và trong đó có những TTHC qua triển khai thực tiễn không thể thực hiện được qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 như: Thẩm định Bản vẽ thi công, thẩm định báo cáo thiết kế cơ sở, bản sao điện tử có giá trị pháp lý, thiếu thiết bị trong việc tiếp nhận như in hình ảnh của cá nhân, một số thủ tục thì hồ sơ chưa phát sinh.....

- Việc ban hành quy phạm pháp luật chưa đồng bộ, gây khó khăn trong công tác CCHC.

- Biên chế được giao cho Sở còn thiếu nhiều (02/43 biên chế công chức) nên trong việc thực hiện nhiệm vụ còn rất nhiều khó khăn.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính mới đạt yêu cầu công khai thủ tục, lệ phí, hướng dẫn nghiệp vụ, rút ngắn thời gian giải quyết công việc mà chưa đi sâu nghiên cứu loại bỏ công đoạn trung gian không cần thiết, giảm các loại giấy tờ trong quy trình giải quyết các loại công việc. Công tác hướng dẫn tổ chức và cá nhân thực hiện thủ tục hành chính mức độ 4 chưa được tiết thực và còn thụ động;

bên cạnh đó do một số TTHC của sở chiếm dung lượng lớn nên trong quá trình nộp TTHC mức độ 4 chưa được phát huy cao, đồng thời thiết bị để hỗ trợ trong việc tiếp nhận TTHC mức độ 4 chưa đáp ứng đủ yêu cầu một số thủ tục hành chính.

- Đội ngũ công chức, viên chức từng lúc cũng có hạn chế về kiến thức và năng lực tổng quát, kỹ năng hành chính, ngoại ngữ, tin học.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, của Sở Nội vụ về nhiệm vụ cải cách hành chính, thực hiện toàn diện trên 6 nội dung là: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách bộ máy hành chính; cải cách công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử; trong đó tập trung giải quyết các nội dung sau:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng tham mưu, công tác soạn thảo văn bản QPPL của các cơ quan chủ trì, trong đó chú trọng quy trình xây dựng, lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, hướng dẫn, đôn đốc các phòng, đơn vị thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý văn bản QPPL. Đảm bảo 100% văn bản đã ban hành được kiểm tra, phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời những văn bản vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chỉ đạo các phòng, đơn vị trên cơ sở các quy định của các bộ, ngành, Trung ương của tỉnh, tiếp tục rà soát, kiểm soát tham mưu với UBND tỉnh công bố các thủ tục hành chính mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh đảm bảo về chất lượng, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

4. Tiếp tục hoàn thiện xây dựng vị trí việc làm, sắp xếp tổ chức bộ máy, tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Sắp xếp, bố trí công chức, viên chức theo đúng quy định. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, tạo được sự thay đổi về chất trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn.

5. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành công việc, thực hiện tốt việc công khai thủ tục hành chính tại Cổng thông tin điện tử và Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục duy trì, cải tiến thực hiện tốt việc hoạt động của Sở và các phòng, đơn vị thuộc Sở.

6. Tăng cường công tác tự kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC, kịp thời khắc phục những mặt hạn chế, thiếu sót, tồn tại trong quá trình thực hiện, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch, báo cáo theo quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Nội vụ tỉnh tham mưu UBND tỉnh Kiên Giang tiếp tục mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực cải cách hành chính đối với công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan để nâng cao trình độ, đảm bảo cho quá trình thực thi công vụ.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Website sở;
- Lưu: VT, htthang.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Thanh Bình





Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	13	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	23	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	(01 kế hoạch đến nay chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền nên Sở không có căn cứ ban hành)
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ban, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	trực tiếp 03 phòng, báo cáo gửi về 03 phòng
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	UBND cấp huyện báo cáo kết quả kiểm tra tại địa phương	

3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%	0	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	



Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)

Biểu mẫu 2

Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	1	Đang trình ban hành 05 văn bản QPPL
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	UBND cấp huyện báo cáo số VBQPPL do UBND cấp huyện ban hành	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	UBND cấp huyện báo cáo số VBQPPL của UBND cấp xã tham mưu cho HĐND cấp xã ban hành (nếu có)	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			

3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Phụ lục
BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	16	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	26	04 TTHC bãi bỏ
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	55	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	55	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	

2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	86	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1010	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	174	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo số liệu tại địa phương	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo số liệu tại địa phương	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo số liệu tại địa phương	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Quý, 6 tháng, năm)
(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)
Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
1.3.	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban		
1.4.	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL) trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1	Số ĐVSNCCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2	Số ĐVSNCCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	2	

1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố	Cơ quan, đơn vị	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	43	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	41	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	4	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	15	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	

Phụ lục

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)

Biểu mẫu 5

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	4	Tiếp nhận vào làm công chức
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	5	Tiếp nhận vào làm viên chức

2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.	Người	0	

hml



Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)

Biểu mẫu 6

Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh (lũy kể đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSNCLL trên địa bàn tỉnh	Đơn vị	0	
2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	2	
2.4.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
2.4.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

2.4.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 3038/BC-SXD ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng)

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	0	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			

5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i> .	%		
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	0	

6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	82	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	45	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	45	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	7	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	%		
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh	Thủ tục	45	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	45	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	26	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1177	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	311	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	82	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	30	



6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	45	
--------	---	---------	----	--

Handwritten signature/initials

